

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161 /2019/DS-ST

Ngày 15-10-2019

V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng;

2. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 290/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 711/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mai L, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Số 284, đường T, khóm 6, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Kim Hg, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Số 284, đường số 2, khóm 6, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Mai L trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 24/3/2018 (dương lịch) chị có cho bà Lê Kim H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Khi vay bà H có viết biên nhận và ký tên. Trong quá trình vay bà H đã thanh toán cho chị được 03 tháng tiền lãi. Đến ngày 20/6/2018 (dương lịch) bà H tiếp tục vay thêm của chị 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, thỏa thuận góp mỗi ngày là 135.000 đồng. Khi vay có viết biên nhận nhưng do con gái bà H là Lê Kim Hg viết và ký tên. Bà H và chị Hg sống chung nhà và cùng sử dụng số tiền vay này chung cho gia đình. Đối với khoản vay này tính đến ngày 24/7/2018 bà H và chị Hg đã góp cho chị được 50 ngày bằng số tiền là 6.750.000 đồng,

trong đó nợ gốc là 5.555.000 đồng, nợ lãi là 1.195.000 đồng. Do số tiền vay đến thời điểm trả nợ vay nhưng bà H và chị Hg không có khả năng thanh toán nên chị và bà H cùng chị Hg thống nhất ký hợp đồng mua bán xe, xe do Lê Kim Hg đứng tên để đối trừ nợ vay. Các bên thỏa thuận giá mua bán là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà H và chị Hg không thực hiện việc giao xe theo hợp đồng mua bán để đối trừ nợ. Nên nay chị yêu cầu bà H cùng chị Hg thanh toán cho chị toàn bộ số tiền nợ vay gồm vốn gốc là 34.445.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày tính từ ngày 25/7/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/10/2019 là 14 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 20%/năm bằng số tiền là 8.419.000 đồng.

Đối với hợp đồng mua bán xe ký kết giữa chị với chị Lê Kim Hg chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lê Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim H mặc dù bà H, chị Hg đã được Tòa án niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập xét xử theo quy định pháp luật, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà H và chị Hg vắng mặt không có lý do. Bà H, chị Hg cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Mai L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn là bà Lê Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Kim Hg mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg.

[3] Nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Mai L yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn nợ là 34.445.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày tính từ ngày 25/7/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/10/2019 là 20 tháng 14 ngày với mức lãi suất 20%/năm, bằng số tiền là 8.419.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Đỗ Thị Mai L về việc buộc bị đơn bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg trả số tiền nợ vốn là 34.445.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận vay tiền giữa chị L với bà H và chị H là hợp pháp và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vay tiền bà H và chị H có viết biên nhận vào ngày 24/3/2018 (dương lịch) bà H có ký tên và ghi rõ họ tên. Đến ngày 20/6/2019 bà H tiếp tục vay của chị L 20.000.000 đồng, biên nhận này do H (con gái bà H) viết và ký tên. Thực tế về mặt pháp lý 02 biên nhận nói trên với tổng số tiền vay 40.000.000đ là chứng cứ duy nhất và là

cơ sở pháp lý. Trong quá trình vay bà H cùng chị Hg đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 5.555.000 đồng. Nay chị L yêu cầu bà H và chị Hg thanh toán khoản tiền nợ còn lại là 34.445.000 đồng. Xét thấy, mặc dù bà H, và chị Hg không có mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến ngày xét xử bà H, chị Hg không đến Tòa án cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào các chứng cứ chứng minh mà nguyên đơn cung cấp hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng minh việc bà H và chị Hg có vay tiền và nợ tiền của nguyên đơn là sự thật. Thời điểm vay cả bà H và chị Hg cùng sống chung nhà, cùng vay và sử dụng tiền cùng nhau. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà H và chị Hg cùng trả lại số tiền vốn vay còn lại là 34.445.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu bà H và chị Hg thanh toán tiền lãi tính từ ngày 25/7/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 15/10/2019 là 14 tháng lễ 20 ngày với mức lãi suất 20%/năm, bằng số tiền là 8.419.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền giữa chị L với bà H, và chị Hg là hợp đồng vay tiền có thỏa thuận lãi suất theo nguyên đơn trình bày là 3%/tháng. Nhưng nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 20% /năm theo quy định. Do bà H và chị Hg vắng mặt cũng không có ý kiến yêu cầu đối trừ với số tiền lãi đã thanh toán trước đó. Nên Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H và chị Hg thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp. Cho nên yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với việc mua bán xe giữa chị L và chị Hg do hiện nay chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Bà H, chị Hg phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều: 26, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg liên đới thanh toán cho chị Đỗ Thị Mai L số tiền vay còn nợ tổng cộng là 42.864.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Trong đó vốn gốc 34.445.000 đồng và tiền nợ lãi là 8.419.000 đồng.

Kể từ ngày chị Đỗ Thị Mai L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg không thi hành xong khoản tiền trên, thì bà H, chị Hg phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm chị Đỗ Thị Mai L không phải chịu. Ngày 18/7/2019 chị L có tạm ứng án phí số tiền 1.032.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000474 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Kim H và chị Lê Kim Hg phải chịu là 2.143.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, chị Hg vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương